TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12/2023/QĐST – DS	*C, ngày 17 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2023, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2023/TLST – DS, ngày 15 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Tháp B, 194 T, phường L, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Q – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Nam G.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Công S – Chuyên viên quản lý khách hàng phòng giao dịch S – Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Nam G *(Văn bản ủy quyền số: 238/QĐ-BIDV.NGL, ngày 01/3/3023).*

- Bị đơn: Anh Phạm Chính T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Tao Chor, xã Ia Hrú, huyện C, tỉnh G.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tại Hợp đồng tín dụng số 02/2018/10669791/HĐTD ngày 11/12/2018, giữa Ngân hàng TMCP Đ và anh Phạm Chính T thì anh T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là: 230.000.000đ; Nợ lãi tính đến ngày 07/7/2023 là 38.448.220đ; Tổng cộng: **268.448.220đ**.

2.2. Nay anh Phạm Chính T có trách nhiệm trả tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/7/2023 là **268.448.220đ** cho Ngân hàng TMCP Đ – Thông qua Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ G, địa chỉ: 117 T, thành phố P, tỉnh G.

Thời hạn và phương thức trả nợ:

- Ngày 30/7/2023 trả 5.000.000đ.
- Ngày 30/8/2023 trả 5.000.000đ.
- Ngày 30/9/2023 trả 50.000.000đ.
- Ngày 30/10/2023 trả 5.000.000đ.
- Ngày 30/11/2023 trả 5.000.000đ.
- Ngày 30/12/2023 trả 50.000.000đ.
- Ngày 30/01/2024 trả 5.000.000đ.
- Ngày 30/02/2024 trả 5.000.000đ.
- Ngày 30/3/2024 trả 5.000.000đ.
- Ngày 30/4/2024 trả 5.000.000đ.
- Ngày 30/5/2024 trả 5.000.000đ.
- Ngày 30/6/2024 trả 123.448.220đ.

Ngoài ra anh Phạm Chính T còn phải trả lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng và các chi phí phát sinh.

2.3. Anh Phạm Chính T thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 232 - Tờ bản đồ số: 38; tại thôn Tao Chor, xã Ia Hrú, huyện C, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 260808, do UBND huyện C, tỉnh G cấp ngày 13/10/2014; Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10669791/HĐBĐ ngày 16/01/2018.

2.4. **Về chi phí tố tụng:** Chi phí Xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ; anh T chịu chi phí tố tụng, hoàn trả lại số tiền 3.000.000đ chi phí Xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng vào ngày 30/6/2024 (Ngân hàng không yêu cầu lãi suất đối với số tiền này).

2.5. Ngân hàng có trách nhiệm xóa thế chấp và trả lại giấy CNQSD đất đối với diện tích đất đã thế chấp cho Ngân hàng ở trên khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên đúng thời hạn thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án để xử lý đối với tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2.6. **Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền **268.448.220đ** là **268.448.220đ**x5%:2 = 6.711.206đ.

Các bên thỏa thuận, anh Phạm Chính T chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 6.711.206đ, để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nam G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.437.000đ, đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0001341, ngày 12/5/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải (Ngày 07/7/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng

phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Nam Anh Chinh